TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 36/2026/QĐST-HNGĐ	*Gia Lai, ngày 27 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - GIA LAI

Căn cứ các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 59/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2026, về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 2000; CCCD số: 0643.0001.2451

Địa chỉ: Tổ C, phường H, tỉnh Gia Lai

- Anh Bùi Quang T, sinh năm: 1999; CCCD số: 0640.9901.0291

Địa chỉ: Thôn I, xã B, tỉnh Gia Lai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Bùi Quang T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2020, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, tỉnh Gia Lai. Cuộc sống vợ chồng sau khi kết hôn hạnh phúc nhưng được một thời gian giữa vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, không có tiếng nói chung và thường xuyên cãi vả. Cuộc sống vợ chồng từ đây không còn hạnh phúc. Chị H và anh T nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, cuộc sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị H và anh T đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Gia Lai công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Bùi Quang T có 01 con chung là Bùi Thị Hải Y, sinh ngày 01/10/2020. Chị H và anh T thỏa thuận giao con chung là cháu Bùi Thị Hải Y, sinh ngày 01/10/2020 cho anh T trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Bùi Quang T tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án công nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Bùi Quang T không yêu cầu Tòa án công nhận.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Bùi Quang T tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, mỗi người 150.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0002363 ngày 19 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Chị H và anh T đã nộp đủ tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Bùi Quang T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Bùi Quang T có 01 con chung là Bùi Thị Hải Y, sinh ngày 01/10/2020. Chị H và anh T thỏa thuận giao con chung là cháu Bùi Thị Hải Y, sinh ngày 01/10/2020 cho anh T trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên và tự lập được hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở;

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đên việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Bùi Quang T không yêu cầu Tòa án công nhận.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Bùi Quang T tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, mỗi người 150.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0002363 ngày 19 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Chị H và anh T đã nộp đủ tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS ND Khu vực 11;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Lưu TA, hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đặng Ngọc Trung